

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06-02-2018
V/v tranh chấp ly hôn giữa chị Vũ
Thị B và anh Bùi Đức Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đức Tụ

Bà Phạm Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly- Thư ký Toà án nhân dân huyện
Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị B, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn NA, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Đức Đ, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn CT, xã TĐ, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 12 năm 2017, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Vũ Thị B trình bày: Chị và anh Bùi Đức Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 07-12-2006. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hoà thuận được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, mặt khác do vợ chồng không có con chung nên chị đã bỏ về gia đình chị ở Thôn NA, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng một thời gian sau đó chị quay về đoàn tụ cùng anh. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn phát sinh do a Đ uống rượu không quan tâm đến chị, không lo chữa bệnh để sinh con, thời gian gần đây anh thường xuyên nghi ngờ chị có quan hệ với người khác nên vợ chồng đối xử với nhau lạnh nhạt. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên chị đã bỏ về gia đình từ tháng 10/2017 đến nay. Vợ chồng anh chị sống ly thân mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với a Đ theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Bùi Đức Đ không có con chung.

Về tài sản: Chị và anh Bùi Đức Đ không có tài sản chung.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử bị đơn anh Bùi Đức Đ xác nhận mối quan hệ giữa anh và chị Vũ Thị B được xác lập như chị B trình bày là đúng thực tế. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có con chung, nghi ngờ nhau về tình cảm nên đã xảy ra xô sát, bất hòa. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ tháng 10/2017 chị B đã tự ý bỏ về gia đình ở Thôn NA, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Anh đã tìm chị về đoàn tụ nhưng chị không về. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, đối xử với anh lạnh nhạt. Nay chị B xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Vũ Thị B không có con chung.

Về tài sản: Anh và chị Vũ Thị B không có tài sản chung.

Tại phiên toà chị Vũ Thị B và anh Bùi Đức Đ vẫn giữ nguyên lời trình bày, chị B xin ly hôn a Đ, tuy nhiên a Đ không đồng ý ly hôn. Về con chung, tài sản chung giữa chị B và a Đ không có nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ cũng như các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên hòa giải, theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình. Xử cho chị Vũ Thị B được ly hôn với anh Bùi Đức Đ. Về con chung, tài sản chung chị B và anh Đ không có nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Chị Vũ Thị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị B và anh Bùi Đức Đ kết hôn ngày 01-12-2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TĐ, huyện VB, thành phố Hải Phòng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận được thời gian đầu đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có con chung, luôn bất đồng quan điểm nên đã xảy ra xô sát, bất hòa. Từ tháng 10/2017 đến nay chị B đã bỏ về gia đình ở Thôn NA, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị B xác nhận tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị tòa án

giải quyết cho chị được ly hôn a Đ. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, a Đ không đồng ý ly hôn với chị B. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị B và a Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của chị B xin ly hôn với a Đ phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị B và anh Bùi Đức Đ xác nhận không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Chị Vũ Thị B và anh Bùi Đức Đ xác nhận không có tài sản, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Vũ Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị B được ly hôn với anh Bùi Đức Đ.
2. Về con chung: Chị Vũ Thị B và anh Bùi Đức Đ không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản: Chị Vũ Thị B và anh Bùi Đức Đ không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Vũ Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị B đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015851 ngày 11-12-2017. Chị Vũ Thị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- UBND xã TĐ huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền